TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/DS-PT
Ngày 26-01-2024
V/v tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm;
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài;
Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2022/DS-ST ngày 03/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2023/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: số H đường L, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Yến N, sinh năm 1999; địa chỉ: số C, tổ B, ấp D, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương hoặc ông Trần Bảo A, sinh năm 1998, địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh; bà N vắng mặt, ông A có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Hồ Thị B, sinh năm 1951; địa chỉ: số D khu D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lý Như M, sinh năm 1960; địa chỉ: số F, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Lý D, sinh năm 1970; địa chỉ: số A đường N, khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà M và ông D: Ông Hồ Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: số H đường L, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản uỷ quyền 02/11/2020); có mặt.

3. Ông Lý Trung T1, sinh năm 1976; địa chỉ: số H đường L, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

4. Bà Hồ Thị B1, sinh năm 1946; địa chỉ: số B H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

5. Bà Hồ Thị C, sinh năm 1958; địa chỉ: số D, khu D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (đã chết ngày 22/10/2020).

6. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1953; địa chỉ: số E đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Bà Vương Thị Thu H1, sinh năm 1985; địa chỉ: số E Đại lộ B, tổ I, khu A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 20/10/2020); có đơn xin vắng mặt.

7. Bà Phùng Thị Thu M1, sinh năm 1964;

8. Bà Hồ Thu H2, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: số A khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà M1 và bà H2: Ông Hồ Minh Đ, sinh năm 1996; địa chỉ: số A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 02/11/2020); có đơn xin vắng mặt.

9. Bà Hồ Thu H3, sinh năm 1989; địa chỉ: số A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

10. Ông Hồ Minh Đ, sinh năm 1996; địa chỉ: số A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

11. Ông Hồ Minh H4, sinh năm 1982; địa chỉ: số D, khu D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

12. Cháu Hồ Gia B2, sinh năm 2010 (con của Hồ Minh T2, sinh năm 1985 – chết năm 2013).

Người đại diện hợp pháp của cháu Hồ Gia B2: Bà Ngô Lê Trúc P, sinh năm 1988; địa chỉ: số A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật; có đơn xin vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1970; có đơn xin vắng mặt.

14. Bà Lý Phụng T3, sinh năm 2001; có đơn xin vắng mặt.

15. Bà Lý Phụng T4, sinh năm 2004; có đơn xin vắng mặt.

16. Ông Lý Tuấn K1, sinh năm 2008; có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số I, tổ A, khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn ông Hồ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2021, quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Hồ Văn T là ông Nguyễn Thái H6 trình bày:

Ông Hồ Thành C1 (sinh năm 1910, chết năm 1976, không có giấy chứng tử), bà Lợi Y, sinh năm 1924, chết ngày 18/5/2007 theo Giấy chứng tử số 65 do UBND xã (nay là phường) A, huyện (nay là thành phố) T cấp ngày 29/5/2007. Ông C1, bà Y chết đều không để lại di chúc.

Lúc còn sống, ông C1 và bà Y sinh được 06 người con là:

- Bà Hồ Cúc H7 (chết), bà H7 chung sống với ông Lý Mỹ D1 (hay còn gọi là Lý Mĩ D2), không có đăng ký kết hôn, có con chung gồm: bà Lý Như M, sinh năm 1960; ông Lý D, sinh năm 1970; ông Lý T5, sinh năm 1973 (đã chết); ông Lý Trung T1, sinh năm 1976. Ông D2 chết vào năm 1973 (không có giấy chứng tử). Sau đó, bà H7 chung sống với ông Võ Văn H8, không có đăng ký kết hôn, có con chung là Hồ Văn T, sinh năm 1978. Ông Võ Văn H8, sinh năm 1937, đã chết (không rõ năm chết, không có giấy chứng tử). Ông T không biết mặt ông H8 vì từ khi sinh ông T ra ông H8 đã không còn chung sống với bà H7.

- Bà Hồ Thị B1, sinh năm 1946.

- Bà Hồ Thị B, sinh năm 1951.

- Bà Hồ Thị C, sinh năm 1958, chết ngày 21/10/2020, không có chồng, con.

- Bà Hồ Thị H, sinh năm 1953.

- Ông Hồ Thành N1 (đã chết ngày 05/02/2017), ông N1 có vợ là bà Phùng Thị Thu M1, sinh năm 1964 và các con: Hồ Thu H2, sinh năm 1983; Hồ Thu H3, sinh năm 1989; Hồ Minh Đ, sinh năm 1996; Hồ Minh H4, sinh năm 1982, Hồ Minh T2, sinh năm 1985 (chết năm 2013).

Ngoài ra, ông C1 và bà Y không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác.

Nguồn gốc đất là của ông Hồ Thành C1 và bà Lợi Y sử dụng từ trước năm 1975, do ba mẹ của ông C1, bà Y để lại cho. Từ năm 1982, bà Lợi Y về T ở chung với ông Hồ Thành N1. Năm 2003, lợi dụng khoảng thời gian bà Y không có nhà và chủ trương cấp đại trà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà B tự khai đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 111,8m^2, thuộc thửa 183, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, hiện nay đã được Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) cho hộ bà Hồ Thị B, số vào sổ cấp: 0418 cấp ngày 24/4/2003. Năm 2006, bà Y phát hiện bà B được cấp GCNQSDĐ nên đã nộp đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với bà B tại UBND phường C. Tại buổi hoà giải, bà B thừa nhận về nguồn gốc đất là của cha mẹ nhưng không chịu trả đất. Do đó, kết quả hoà giải không thành. Năm 2007, bà Y chết.

Theo đơn đăng ký xin cấp GCNQSDĐ, bà B kê khai nguồn gốc đất là của *"cha mẹ cho từ năm 1975"* nhưng trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà B được cho phần đất này. Quá trình giải quyết tại UBND phường C, bà B cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông C1, bà Y có cho bà B phần đất này. Năm 2006, bà Y là người tranh chấp đất với bà B, từ đó chứng minh ông C1 và bà Y không cho bà B phần đất này. Sau khi bà Y chết, gia đình ông T đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà B không trả lại quyền sử dụng đất nêu trên.

Đối với tài sản trên đất là do bà B xây dựng nên ông T không tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản trên đất.

Việc bà Hồ Thị B tự ý lập thủ tục để được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế của ông C1, bà Y.

Nay, ông T khởi kiện yêu cầu:

- Huỷ GCNQSDĐ thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được UBND thành phố T cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hồ Thị B, số vào sổ cấp: 0418 cấp ngày 24/4/2003; nay là thửa 613, tờ bản đồ số 33, số vào sổ cấp GCNQSDĐ số CX07928 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho hộ bà Hồ Thị B, ngày 05/9/2018.

- Buộc bà Hồ Thị B phải trả lại quyền sử dụng đất diện tích diện tích 111,8m^2 thuộc thửa 183, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, hiện nay đã được UBND thành phố T cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hồ Thị B, số vào sổ cấp: 0418 cấp ngày 24/4/2003, nay là thửa 613, tờ bản đồ số 33, diện tích 106,2m^2 số vào sổ cấp GCNQSDĐ số CX07928 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho hộ bà Hồ Thị B ngày 05/9/2018. Trả lại cho các đồng thừa kế của ông C1, bà Y theo biên bản định giá của Hội đồng định giá.

- Chia thừa kế theo pháp luật cho 06 đồng thừa kế tương ứng với 06 kỷ phần, của ông Hồ Thành C1 và bà Lợi Y phần diện tích đất 111,8m^2, thuộc thửa 183, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại khu D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, hiện nay đã được UBND thành phố T cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hồ Thị B, số vào sổ cấp: 0418 cấp ngày 24/4/2003. Nay là thửa 613, tờ bản đồ số 33, diện tích 106,2m^2 số vào sổ cấp GCNQSDĐ số CX 07928 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho hộ bà Hồ Thị B ngày 05/9/2018. Ông T yêu cầu được nhận giá trị theo biên bản định giá của Hội đồng định giá, yêu cầu được nhận giá trị sau khi chia thừa kế.

- *Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Hồ Thị B trình bày:*

Bà Hồ Thị B là con của ông Hồ Thành C1 và bà Lợi Y. Nguyên đơn ông Hồ Văn T là cháu ngoại của ông C1, bà Y. Phần đất ông T tranh chấp có nguồn gốc của chủ đất là của ông Lý N2 cho cha mẹ bà B thuê ở và hàng năm thu tiền sử dụng đất.

Ngày 04/01/1975 (âm lịch), ông C1 chết. Bà Lợi Y ở với bà B đến năm 1982 thì chuyển đến Thuận A1 sinh sống và chết vào năm 2007 tại T. Bà B sinh sống trên phần đất này từ khi sinh ra (năm 1951) cho đến nay. Khi còn sống, cha mẹ bà B không được Nhà nước cấp bất kỳ giấy tờ gì thể hiện được quyền sử dụng đất.

Năm 2000, bà B xây dựng nhà trên đất. Năm 2001, bà B có đơn đăng ký kê khai xét cấp GCNQSDĐ lần đầu đối với diện tích đất gắn liền nhà ở của bà B là 111,8m² (thổ cư) và 8,5m² (hành lang bảo vệ đường bộ) thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 33, tại địa chỉ: số D, khu D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm bà B xây dựng nhà, xin cấp GCNQSDĐ thì hoàn toàn không có tranh chấp và được UBND phường C xác nhận thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 1975. Do đó, ngày 24/4/2003, hộ bà B được UBND thị xã (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T878284, số vào sổ: 0418.QSDDĐ/TXTDM.

Năm 2018, bà B đã làm thủ tục xin đổi lại GCNQSDĐ. Ngày 20/8/2018, bà B được xác nhận là đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 2559845 ngày 08/8/2018. Ngày 05/09/2018, bà B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 123147, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CS07928, diện tích 106,2m² (đất ở tại đô thị), thuộc thửa đất số 613, tờ bản đồ số 33.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà B có ý kiến như sau:

- Bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phần đất nguyên đơn tranh chấp do bà B sinh sống từ năm 1951 cho đến nay, sử dụng ổn định, lâu dài và đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho bà B, không phải tài sản do ông C1, bà Y tạo lập và để lại nên không được xem là di sản thừa kế. Nếu ông T tranh chấp ông T phải cung cấp chứng cứ chứng minh ông C1, bà Y được cấp GCNQSDĐ đối với quyền sử dụng đất.

- Bà B cho rằng bà Y có tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số A T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nếu ông T muốn tranh chấp tài sản thừa kế của bà Lợi Y thì tranh chấp tài sản này. Bà B không có tranh chấp, không có chứng cứ chứng minh và không có yêu cầu phản tố đối với tài sản này.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Như M là ông Hồ Văn T trình bày:*

Bà Lý Như M là con của bà Hồ Cúc H7 (sinh năm 1943, chết năm 2016) và ông Lý Mỹ D1 (hay là Lý Mĩ D2) sinh năm 1936, chết năm 1973). Bà H7 và ông D2 chung sống không có đăng ký kết hôn, ông D2 chết không có giấy chứng tử. Bà Hồ Cúc H7 là con của ông Hồ Thành C1 và bà Lợi Y. Bà M thống nhất với

trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trong trường hợp được chia thừa kế, bà M mong muốn nhận được kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý D là ông Hồ Văn T trình bày:

Ông Lý D là con của bà Hồ Cúc H7 (sinh năm 1943, chết năm 2016) và ông Lý Mỹ D1 (hay là Lý Mĩ D2) sinh năm 1936, chết năm 1973). Bà H7 và ông D2 chung sống không có đăng ký kết hôn, ông D2 chết không có giấy chứng tử. Bà Hồ Cúc H7 là con của ông Hồ Thành C1 và bà Lợi Y. Ông D thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trong trường hợp được chia thừa kế, ông D mong muốn nhận được kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Trung T1 trình bày:

Ông Lý Trung T1 là con của bà Hồ Cúc H7 (sinh năm 1943, chết năm 2016) và ông Lý Mỹ D1 (hay là Lý Mĩ D2) sinh năm 1936, chết năm 1973). Bà H7 và ông D2 chung sống không có đăng ký kết hôn, ông D2 chết không có giấy chứng tử. Bà Hồ Cúc H7 là con của ông Hồ Thành C1 và bà Lợi Y. Ông T1 thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trong trường hợp được chia thừa kế, ông T1 mong muốn nhận được kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt. Ông T1 xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn giải quyết của vụ án, cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị B1 trình bày:

Bà B1 là con của ông Hồ Thành C1 và bà Lợi Y. Bà B1 thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trong trường hợp được chia thừa kế, bà B1 mong muốn nhận được kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt. Bà B1 xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn giải quyết của vụ án, cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H – do người đại diện hợp pháp bà Vương Thị Thu H1 trình bày:

Bà Hồ Thị H là con của ông Hồ Thành C1 và và Lợi Y. Bà H thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trong trường hợp được chia thừa kế, bà H mong muốn nhận được kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Thu M1 – do người đại diện hợp pháp là ông Hồ Minh Đ trình bày:

Bà M1 là vợ của ông Hồ Thành N1, ông N1 là con của ông Hồ Thành C1 và bà Lợi Y. Ông N1 chết năm 2017, quá trình chung sống bà M1 và ông N1 có 04 con chung là: Hồ Thu H2, sinh năm 1983; Hồ Thu H3, sinh năm 1989; Hồ Minh Đ, sinh năm 1996 và Hồ Minh T2, sinh năm 1985, chết năm 2013.

Bà M1 thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trong trường hợp được chia thừa kế, bà M1 mong muốn nhận được kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt. Bà M1 xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn giải quyết của vụ án, cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thu H2 – do người đại diện hợp pháp là ông Hồ Minh Đ trình bày:

Bà H2 là con của ông Hồ Thành N1 và bà Phùng Thị Thu M1. Ông N1 chết năm 2017. Bà H2 thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trong trường hợp được chia thừa kế, bà H2 mong muốn nhận được kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt. Bà H2 xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn giải quyết của vụ án, cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thu H3 trình bày:

Bà H3 là con của ông Hồ Thành N1 và bà Phùng Thị Thu M1. Ông N1 chết năm 2017. Bà H3 thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trong trường hợp được chia thừa kế, bà H3 mong muốn nhận được kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh Đ trình bày:

Ông Đ là con của ông Hồ Thành N1 và bà Phùng Thị Thu M1. Ông N1 chết năm 2017. Ông Đ thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trong trường hợp được chia thừa kế, ông Đ mong muốn nhận được kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt. Ông Đ xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn giải quyết của vụ án, cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh H4 trình bày:

Ông H4 là con ruột của ông Hồ Thành N1 và bà Phùng Thị Thu M1. Tuy nhiên, khi sinh ông H4 ra thì ông N1 và bà M1 đã cho ông H4 làm con nuôi của bà Hồ Thị B. Việc cho con nuôi có làm thủ tục giao nhận con nuôi có xác nhận của chính quyền địa phương. Ông H4 hiện đang sinh sống cùng với bà B trong căn nhà bà B xây dựng trên phần đất tranh chấp. Ông H4 thống nhất với ý kiến trình bày của bà B, không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không trình bày ý kiến bổ sung.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Hồ Gia B2, sinh năm 2010 - do bà Ngô Lê Trúc P trình bày:

Bà P là vợ của ông Hồ Minh T2, sinh năm 1985, chết năm 2013. Ông T2 là con của bà Phùng Thị Thu M1 và ông Hồ Thành N1. Bà P và ông T2 có 01 con chung là cháu Hồ Gia B2. Bà P thống nhất với toàn bộ ý kiến của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trường hợp được chia di sản thừa kế bà P mong muốn nhận được kỷ phần tương ứng với giá trị bằng tiền mặt. Bà P xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn giải quyết cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H5, bà Lý Phụng T3, bà Lý Phụng T4, ông Lý Tuấn K1 trình bày:

Bà H5 là vợ của ông Lý T5, sinh năm 1973, chết năm 2016. Ông T5 là con của bà Hồ Cúc H7 và ông Lý Như M. Bà H7 và ông T5 có 03 con chung là Lý Phụng T3, sinh năm 2001, Lý Phụng T4, sinh năm 2004 và Lý Tuấn K1, sinh năm 2008. Bà H7, bà T3, bà T4 và ông K1 thống nhất với toàn bộ ý kiến của nguyên đơn ông Hồ Văn T. Trường hợp được chia di sản thừa kế bà H7, bà T3, bà T4 và ông K1 mong muốn nhận được kỷ phần tương ứng với giá trị bằng tiền mặt và xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn giải quyết cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Đinh Tấn T6:* vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến bảo vệ cho quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

* Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2021, phần đất tranh chấp thuộc thửa 183, tờ bản đồ số 33 tọa lạc tại phường C, thành phố T có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp rãnh nước;

- Phía Tây giáp đường B;

- Phía Nam giáp thửa 182;

- Phía Bắc giáp thửa 184.

Trên đất tranh chấp có 01 (một) căn nhà cấp 3, (1 trệt, 1 lầu) kết cấu móng cột bê tông, mái tole, nền gạch men; 01 (một) nhà tạm phía trước, 01(một) nhà tạm phía sau.

Tại Mảnh trích đo địa chính ngày 30/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T thể hiện: phần đất tranh chấp thuộc thửa 183, tờ bản đồ số 33 có tổng diện tích là 124,2m^2.

Biên bản định giá ngày 26/11/2021 kết quả như sau:

- Đất ở đô thị có giá 40.000.000 đồng/m^2.

- 01 (một) căn nhà (1 trệt, 1 lầu) có giá 5.265.000 đồng/m^2 × 95% giá trị sử dụng.

- 01 (một) nhà tạm phía trước, 01 (một) nhà tạm phía sau có giá 1.700.000.000 đồng/m^2 × 95% giá trị sử dụng.

Các đương sự thống nhất với biên bản xem xét thẩm định, mảnh trích đo địa chính ngày 30/12/2021. Đối với kết quả định giá, các đương sự có ý kiến: Hội đồng định giá đất 40.000.000 đồng/m^2 là thấp, ý kiến của nguyên đơn là 120.000.000 đồng/m^2. Bị đơn cho rằng định giá nhà 5.265.000 đồng/m^2 × 95% giá trị sử dụng là thấp, giá trị khi bị đơn xây dựng là 6.500.000 đồng/m^2. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị không tiến hành định giá lại và yêu cầu sử dụng kết quả định giá ngày 26/11/2021 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2022/DS-ST ngày 03/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 612, Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 33, Điều 36, Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993.

Căn cứ khoản 4 Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 168 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn T đối với bị đơn bà Hồ Thị B về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/11/2022, ông Hồ Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa án sơ thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố T cấp cho bà Hồ Thị B được quyền sử dụng diện tích 111,8m^2 đất tại khu phố D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; buộc bà Hồ Thị B phải trả lại cho các đồng thừa kế của ông Hồ Thành C1 và bà Lợi Y diện tích đất 111,8m^2 tại tại khu phố D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Chia thừa kế theo pháp luật cho 06 đồng thừa kế đối với diện tích đất 111,8m^2 mỗi người được nhận một kỷ phần bằng nhau, riêng ông T yêu cầu nhận giá trị bằng tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Hồ Văn T, không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu và yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Hồ Thị B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chồng bà B là ông Lê Văn N3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ ông Lý Mĩ D2 và ông Võ Văn H8, ông D2 và ông H8 đã chết hay còn sống thì ông Hồ Văn T không biết và không có thông tin nào về địa chỉ của ông D2 và ông H8.

Ngày 03/10/2022, bà Nguyễn Thị H5, bà Lý Phụng T3, bà Lý Phụng T4, ông Lý Tuấn K1 có bản tự khai và có yêu cầu trong trường hợp được chia thừa kế theo quyết định của Tòa án thì bà H5, bà T3, bà T4 và ông K1 yêu cầu được nhận kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (bút lục số 348, 349). Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành thông báo bổ sung người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đối với bà Nguyễn Thị H5, bà Lý Phụng T3, bà Lý Phụng T4, ông Lý Tuấn K1 và bổ sung những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên vào quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng trong Bản án sơ thẩm số 154/2022/DS-ST ngày 03/11/2022 có tên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị H5, bà Lý Phụng T3, bà Lý Phụng T4, ông Lý Tuấn K1, trú tại số I, tổ A, khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương và có đơn xin xét xử vắng mặt là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm, giao cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Hồ Văn T làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc tham gia phiên tòa của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lý Trung T1, bà Hồ Thị B1, bà Hồ Thị H, bà Phùng Thị Thu M1, bà Hồ Thu H2, ông Hồ Minh Đ, cháu Hồ Gia B2 (do bà Ngô Lê Trúc P đại diện), bà Nguyễn Thị H5, bà Lý Phụng T4, Lý Phụng T3, Lý Tuấn K1 vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về kháng cáo của của ông Hồ Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hàng thừa kế: Ông Hồ Thành C1 và bà Lợi Y là vợ chồng. Ông C1, sinh năm 1910, chết năm 1976 (không có giấy chứng tử) và bà Y, sinh năm 1924, chết ngày 18/5/2007 (giấy chứng tử số 65 do Ủy ban nhân dân phường A, huyện T cấp ngày 29/5/2007). Cha, mẹ của ông Hồ Thành C1 và cha mẹ của bà Lợi Y đều không rõ thông tin, chết từ lâu nên không có giấy chứng tử. Quá trình chung sống, ông C1 và và Y có 06 người con. Hiện nay 03 người còn sống và 03 người đã chết. Cụ thể như sau:

1. Bà Hồ Cúc H7, sinh năm 1943, chết ngày 22/02/2016. Bà H7 có chồng là ông Lý Mỹ D1 (hay còn gọi là Lý Mĩ D2), sinh năm 1936 (ông Lý Mỹ D1 chết vào năm 1973, không có giấy chứng tử). Bà H7 chung sống với ông D1 không có

đăng ký kết hôn, có con chung gồm: bà Lý Như M, sinh năm 1960; ông Lý D, sinh năm 1970; ông Lý T5, sinh năm 1973 (đã chết năm 2016), có vợ bà Nguyễn Thị H5 và có con là bà Lý Phụng T3, bà Lý Phụng T4 và ông Lý Tuấn K1); ông Lý Trung T1, sinh năm 1976.

Ngày 09/5/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định tạm đình chỉ vụ án và ngày 04/7/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án nhưng không đưa những người con của ông Lý T5 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 29/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, không đưa những người con của ông Lý T5 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bút lục số 264).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2022 (bút lục số 327) ông Hồ Văn T khai, mẹ là bà Hồ Cúc H7, có 02 đời chồng gồm ông Lý Mĩ D2 và ông Võ Văn H8, ông D2 và ông H8 đã chết hay còn sống thì ông Hồ Văn T không biết và không có thông tin nào về địa chỉ của ông D2 và ông H8.

Ngày 03/10/2022, bà Nguyễn Thị H5, bà Lý Phụng T3, bà Lý Phụng T4, ông Lý Tuấn K1 có bản tự khai và có yêu cầu trong trường hợp được chia thừa kế theo quyết định của Tòa án thì bà H5, bà T3, bà T4 và ông K1 yêu cầu được nhận kỷ phần của mình tương ứng với giá trị bằng tiền mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (bút lục số 348, 349) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành thông báo bổ sung người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đối với bà Nguyễn Thị H5, bà Lý Phụng T3, bà Lý Phụng T4, ông Lý Tuấn K1 và bổ sung những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên vào quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên trong Bản án sơ thẩm số 154/2022/DS-ST ngày 03/11/2022 có tên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị H5, bà Lý Phụng T3, bà Lý Phụng T4, ông Lý Tuấn K1, trú tại số I, tổ A, khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt là không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Bà Hồ Thị B, sinh năm 1951;

3. Bà Hồ Thị B1, sinh năm 1946;

4. Bà Hồ Thị C, sinh năm 1958, chết năm 2020, không có chồng, con.

5. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1953;

6. Ông Hồ Thành N1, sinh năm 1963, chết năm 2017. Ông N1 có vợ là bà Phùng Thị Thu M1 và 04 con chung là Hồ Thu H2, sinh năm 1983; Hồ Thu H3, sinh năm 1989, Hồ Minh Đ, sinh năm 1996 và Hồ Minh T2, sinh năm 1985, chết năm 2013). Hồ Minh T2 có vợ là Ngô Lê Trúc P và 01 con chung là cháu Hồ Gia B2.

Ngoài những người con nêu trên thì Hồ Thành C1 và bà Lợi Y không còn người con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Thành

C1, bà Lợi Y gồm có 06 người con ông C1, bà Y: bà Hồ Cúc H7, bà Hồ Thị B, bà Hồ Thị B1, bà Hồ Thị C, bà Hồ Thị H và ông Hồ Thành N1.

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất, xét thấy:

Tại Biên bản hòa giải ngày 21/7/2006 của UBND phường C về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Lợi Y và bị đơn bà Hồ Thị B có nội dung "về nguồn gốc đất do cha ông C1 và mẹ bà Y, về xây dựng nhà để ở có phần đóng góp của các người con chung của ông C1 và bà Y, bà Y là mẹ ruột của bà B yêu cầu được nhận lại quyền sử dụng đất còn bà B là con ruột của bà Y không đồng ý, nên kết quả hòa giải không thành".

Ngày 05/7/2002, UBND phường C xác nhận vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Hồ Thị B và ông Lê Văn N3.

Ngày 24/4/2003, hộ bà Hồ Thị B được UBND thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 111,8m^2.

Ngày 05/9/2018, hộ bà Hồ Thị B xin đổi sổ đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp lại với diện tích 106,2m^2, diện tích đất bị giảm 5.6m^2.

Ngày 31/12/2021, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T xác định diện tích đất do ông Hồ Văn T đang tranh chấp với bà Hồ Thị B theo chỉ ranh mốc giới đất do bà Hồ Thị B chỉ xác định ranh có tổng diện tích đất là 124,2m^2, không có chứng kiến của người liên ranh ở hướng Nam giáp thửa đất số 182 của bà Nhan Phụng N4 và ở hướng Bắc giáp thửa đất số 184 của ông H9 thì diện tích đất của hộ bà B tăng thêm 18m^2. Mặc khác, tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Hồ Thị B kê khai ngày 05/7/2022 có tên chồng là ông Lê Văn N3 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Lê Văn N3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Mặt khác, tại Biên bản làm việc ngày 02/01/2024, bà Nhan Phụng N4 là người đang sử dụng thửa đất số 183, giáp ranh mốc giới thửa đất số 182 bà B đang quản lý có nguồn gốc trước đây khi bà N4 tiến hành xây dựng nhà bà B yêu cầu bà N4 phải thụt vào trong và sau nay bà B xây dựng nhà cũng phải thụt vào trong nên hiện nay ranh mốc giới đất thửa số 182 và thửa số 183 có một khoảng hở trống là tấm vách chung để xác định ranh mốc giới đất không ai được xây dựng. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đo đạc diện tích đất của bà B, Tòa án không có mời bà N4 chứng kiến xác định ranh đất giữa bà N4 và bà B cho nên bà N4 không chấp nhận bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T lập ngày 31/12/2021.

Từ những phân tích và nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T và quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: ông Hồ Văn T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Văn T.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 154/2022/DS-ST ngày 03/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho ông Hồ Văn T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng số 0002066 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Tâm